

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠN VỪA
(Từ ngày 1 đến 15/8/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-250mm, có nơi cao hơn; đặc biệt tại trạm Thái Bình (Hưng Yên) đo được 303mm, Nam Định (Ninh Bình) 311mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lưu lượng dòng chảy trên sông Thao tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 2%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lô giảm so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 26%. + Trên sông Đà: Lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng so với kì trước do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và do mưa trên lưu vực. Tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình lớn hơn TBNN cùng kỳ 5%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dao động theo điều tiết của thủy điện Hòa Bình, Tuyên Quang và Thác Bà, những ngày đầu ở mức cao sau đó xuống vì các hồ lần lượt đóng hết tất cả các cửa xả. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 14%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
+ Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 120-200mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Dòng chảy trên sông Thao tại trạm Yên Bái thấp hơn TBNN cùng kỳ 28%. + Trên sông Lô: Dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ 10%. + Trên sông Đà: lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 15 ngày qua do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và mưa trên lưu vực; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 16%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết các hồ chứa thủy điện tuyến trên cũng như lũ thượng nguồn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 120-220mm, có nơi cao hơn..
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ở mức thấp hơn 5% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ cao hơn so với kỳ trước và tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 13%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 90-140mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tăng so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 11%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy giảm so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 37%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Khu vực Thanh Hóa, Nghệ An phổ biến từ 150-300mm, có nơi trên 400mm, đặc biệt như tại Bái Thượng 548mm, Thanh Hóa 441mm; khu vực từ Hà Tĩnh đến Huế phổ biến từ 50-100mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 7/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An tăng hơn so với nửa đầu tháng 7, các sông ở Hà Tĩnh giảm hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 120%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn 98%; sông Ngân Sâu tại trạm Hòa Duyệt xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngân Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn 58%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 109%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 60-120mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 8/2025, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với nửa cuối tháng 7. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 20%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 31%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 39%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 46%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông khả năng ít biến đổi và cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 178%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-30mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 119%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn 140%.
+ Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trên khu vực biến đổi chậm, riêng thượng nguồn sông Ba đã xảy ra một đợt lũ nhỏ và dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 75%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 18%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng xấp xỉ TBNN, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy thấp hơn 35%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 82% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-60mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy:
+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 94%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 105%.
+ Trên các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Lưu lượng dòng chảy trên thượng

nguồn các sông có khả năng có dao động, hạ lưu biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 40% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 5% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Lượng mưa dao động mạnh, phổ biến 60-120mm, riêng đặc biệt tại trạm Kom Tum (Quảng Ngãi) 227mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 7, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực Sê San ở mức cao hơn so với nửa đầu tháng; lưu lượng dòng chảy các sông thuộc lưu vực Srêpôk phổ biến ở mức tương đương và giảm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 55%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 25%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế lên dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 100-180mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 8, lưu lượng dòng chảy các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk dao động ở mức tương đương và giảm so với nửa cuối tháng 7. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 70%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 48%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế lên dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN từ 15-30%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/8/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiên Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/8/2025

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	185	<28	130-230	xấp xỉ
	Sơn La	194	>26	80-150	xấp xỉ
	Hòa Bình	204	<7	100-170	<10-25%
	Lào Cai	169	>4	120-220	xấp xỉ
	Yên Bái	217	>5	100-200	<10-25%
	Tuyên Quang	113	<39	90-160	xấp xỉ
	Hà Giang	166	<40	180-280	xấp xỉ
	Láng	153	<15	90-160	<10-25%
	Thái Bình	303	>98	80-150	<10-25%
	Nam Định	311	>102	80-150	<10-25%
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	137	<15	100-170	xấp xỉ
	Thái Nguyên	94	<54	110-180	xấp xỉ
	Bắc Ninh	271	>73	110-180	<10-25%
	Lạng Sơn	121	<12	70-120	xấp xỉ
	Bắc Giang	292	>92	110-180	xấp xỉ
	Hải Dương	126	<13	100-170	xấp xỉ
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	198	>11	110-180	xấp xỉ
	Bái Thượng	548	>232	110-180	xấp xỉ
	Thanh Hóa	441	>226	70-130	<10-25%
	Quỳ Châu	389	>191	90-160	<10-25%
	Cửa Rào	308	>169	60-110	<10-25%
	Đô Lương	210	>71	70-120	<10-25%
	Vinh	144	>34	50-90	<10-25%
	Hương Sơn	74	<45	70-120	<10-20%
	Hương Khê	89	<25	90-160	<10-20%
	Hà Tĩnh	125	>31	60-110	<10-20%
	Đồng Hới	19	<63	40-70	<10-20%

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	Quảng Trị	61	<1	40-70	<10-20%
	Nam Đông	27	<70	60-110	<10-20%
	Huế	56	>3	40-70	<10-20%
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	46	<20	40-70	<10-20%
	Trà My	17	<81	50-100	<10-20%
	Ba Tơ	16	<78	50-100	<10-20%
	Quảng Ngãi	39	<12	30-60	<10-20%
	Quy Nhơn	4	<81	20-50	<10-20%
	An Khê	24	<66	40-70	xấp xỉ
	Tuy Hòa	7	<77	15-35	xấp xỉ
	Nha Trang	2	<91	15-35	xấp xỉ
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	227	>15	120-200	xấp xỉ
	Lắk	65	<52	130-230	xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	68	<46	120-200	xấp xỉ
	Biên Hòa	107	<25	70-130	xấp xỉ
	Cần Thơ	108	<12	70-130	xấp xỉ

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/8/2025

Đơn vị: $10^6 m^3$

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN (%)	Dự báo	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	W	1678	<2	1361	<28
Lô	Tuyên Quang	W	1813	<26	1490	<10
Đà	Hồ Hòa Bình	W	5312	>5	5184	>16
Hồng	Hà Nội	W	6862	>14	4471	<20
Cầu	Gia Bảy	W	183.7	<5	235.9	>11
Lục Nam	Chũ	W	155.1	<13	127.1	<37
Mã	Cắm Thủy	W	2027	>120	1452	>20
Cả	Yên Thượng	W	1677	>98	687	<31
La	Hòa Duyệt	W	107	~ TBNN	84	<39
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	17.3	>109	23.8	>178
Thu Bồn	Nông Sơn	W	257	>119	207	>94
Trà Khúc	Sơn Giang	W	218	>140	181	>105
Ba	Củng Sơn	W	142	<18	181	<40
Cái N,T	Đồng Trăng	W	38.4	<1	35	>5
Đăk Bla	Kon Tum	W	54.2	<55	42.8	<70
Srêpôk	Giang Sơn	W	61.0	<25	62.2	<48
Tiền	Tân Châu	W			29656	>30
Hậu	Châu Đốc	W			5358	>15